TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: **13**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29/3/2022
"V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Duy Chinh
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu
2. Ông Trần Xuân Viện

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lê Đức Chính - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên: Bà Hoàng Thị Diệu Ngọc - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình về việc kiện tranh chấp ly hôn thụ lý số 60/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXX ngày 15/3/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1979
Địa chỉ: Xóm T, xã QT, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
ĐKTT: Kho C, Bộ TM, QK1.

Bị đơn: Chị Triệu Thị H, sinh năm 1986
Địa chỉ: Xóm T, xã QT, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

(Các đương sự đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn anh Nguyễn Anh T trình bày:

Tôi và chị Triệu Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UNBD xã QT, thành phố Thái Nguyên vào năm 2010.

Vợ chồng tôi sống hạnh phúc được một thời gian khoảng hơn 10 năm.

Quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn căng thẳng do tính cách trái ngược nhau, dẫn đến nhiều bất đồng quan điểm sống và không có tiếng nói chung từ năm 2021, vợ tôi chị H không quan tâm đến gia đình nhà tôi, chị H bảo tôi có quan hệ ngoại tình bất chính nhưng thực tế tôi không có.. Mặc dù chúng tôi đã cố gắng để hòa hợp thông cảm cho nhau để cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình nhưng cả hai vẫn không hòa hợp được và vợ chồng đã ly thân được một thời gian từ cuối năm 2021 đến nay. Chị H đã có ý kiến về việc bảo tôi làm đơn ly hôn, Nay tôi xác định vợ chồng không còn tình cảm và không thể đoàn tụ được, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị H.

Về con chung: Tôi và chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 30/5/2011 và cháu Nguyễn Chí T, sinh ngày 19/7/2015. Tôi có nguyện vọng xin được nuôi 02 con và không đề nghị chị H cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại 02 cháu đang sống cùng ông bà ngoại tại xã QT, thành phố Thái Nguyên. Thu nhập bình quân của tôi là khoảng 8.500.000đ/tháng. Hiện nay tôi đang thuê nhà ở xóm A, xã Hóa Thượng, địa điểm ở gần cơ quan. Tôi làm giờ hành chính, do vậy đảm bảo việc nuôi con.

Về tài sản chung và khoản nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận và không đề nghị giải quyết.

+ Bị đơn chị H trình bày: Tôi hoàn toàn nhất trí về thời gian kết hôn như anh T khai trên là đúng. Tôi xác định anh T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác và tôi có trao đổi với anh T và có đến cơ quan anh T để trao đổi và nhờ lãnh đạo anh T quan tâm giúp đỡ khuyên can, bảo ban và cơ quan anh T có họp và khiển trách. Nhưng anh T không thay đổi. Vợ chồng không có mâu thuẫn gì, anh T chủ yếu ở cơ quan. Bắt đầu từ tháng 4/2021 anh T cho biết là bận công việc và không về nhà chủ yếu là ở cơ quan đơn vị. Đến tháng 10/2021 anh T không về nhà và thỉnh thoảng có đến thăm con và không chu cấp gì về việc nuôi con. Tôi đã trao đổi với anh T nhiều lần và tha thứ để vợ chồng về đoàn tụ, nhưng anh T không thay đổi từ tháng 9/2021. Tôi và anh T ở chung với ông bà ngoại vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn và không có điều tiếng gì. Từ tháng 9/2021 đến nay anh T không về và chúng tôi không nói chuyện gì với nhau. Nay anh T xin ly hôn, tôi xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và không nhất trí ly hôn. Vì các con của chúng tôi còn rất nhỏ cần sự quan tâm chăm sóc của bố mẹ.

Về con chung: Tôi và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Phương Toàn, sinh ngày 30/5/2011 và cháu Nguyễn Chí Thanh, sinh ngày 19/7/2015. Trong trường hợp phải ly hôn, tôi có nguyện vọng xin được nuôi 02 con chung. và yêu cầu anh T cấp dưỡng là 2.500.000đ/con. 02 con là 5.000.000đ/tháng/02con, cho đến khi các con chung trưởng thành. Hiện tại tôi

đang làm nghề cắt tóc gội đầu, thu nhập trung bình khoảng 8 đến 10 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung và khoản nợ chung: Chúng tôi có 02 sào ruộng đã đứng tên trong giấy chứng nhận QSD đất mang tên 02 vợ chồng và một số tài sản vật dụng khác trong gia đình. Trong trường hợp phải ly hôn, chúng tôi tự thỏa thuận (mỗi bên một nửa sào ruộng). Trong trường hợp không tự thỏa thuận được thì đề nghị Tòa án giải quyết sau. Nợ chung: Không có.

Ý kiến anh T: Ban đầu vợ chồng thuê ở ngoài sinh sống, do con nhỏ nên về ở với ông bà ngoại, quá trình chung sống tôi có đóng góp trong cuộc sống gia đình. Tôi có bố mẹ nuôi ở ngoài và tôi xác định không có quan hệ ngoại tình; tôi xác định vợ chồng không còn tình cảm và không thể đoàn tụ được và chính chị H bảo tôi viết đơn ly hôn. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn chị H để giải phóng cho nhau. Về con chung: Tôi nhất trí để mỗi người nuôi 01 cháu..

Về tài sản chung: Vợ chồng tôi có mua đất ruộng của cụ bên ngoại và đứng tên vợ chồng tôi. Tôi tự nguyện để lại cho chị H quản lý sử dụng và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ý kiến chị H: Tôi tha thiết nguyện vọng được nuôi 02 con chung.

Lời khai của cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 30/5/2011 và cháu Nguyễn Chí T, sinh ngày 19/7/2015, nếu trong trường hợp bố mẹ ly hôn thì 02 cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ là chị H.

Tại phiên tòa hôm nay chị H cho biết nếu trường hợp phải ly hôn và nuôi một hoặc hai con thì tôi không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa đại diện VKSND thành phố Thái Nguyên phát biểu ý kiến xác định, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và của người tham gia tố tụng đúng quy định của pháp luật. Về thẩm quyền, thời hạn giải quyết đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về đường lối giải giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh T được ly hôn với chị H, giao con chung Nguyễn Phương T, sinh ngày 30/5/2011cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Chí T, sinh ngày 19/7/2015 chị H trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho các bên vì mỗi bên đã nuôi 01 con và tại phiên tòa các bên không yêu cầu cấp dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết do đương sự không có yêu cầu. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

Về tố tụng:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về Hôn nhân gia đình, được quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chị H sinh sống và có hộ khẩu thường trú xã QT, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, do vậy căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Về nội dung:

[2] Anh Nguyễn Anh T và chị Triệu Thị H kết hôn năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã QT, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3] Trong cuộc sống chung vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, anh T xác định không thể tiếp tục chung sống cùng chị H, yêu cầu ly hôn để giải phóng cho nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải cho các đương sự để hàn gắn tình cảm vợ chồng trở về đoàn tụ, nhưng anh T kiên quyết xin ly hôn và xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được. Chị H xác định vợ chồng không có mâu thuẫn trong cuộc sống nhưng chị xác định anh T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác và anh T thường xuyên ở cơ quan và không về nhà và thỉnh thoảng có về thăm con và anh T không về nhà từ tháng 9/2021 đến nay, anh T xin ly hôn, chị H không nhất trí ly hôn.

[4] Toà án hoà giải, cho các đương sự thời gian để có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng và thỏa thuận về con chung khi ly hôn, nhưng anh T và chị H cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng và đoàn tụ. Thực tế là vợ chồng đã ly thân một thời gian dài và không còn quan tâm gì đến nhau. Nay anh T kiên quyết xin ly hôn và xác định tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên, do đó cần chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của anh Nguyễn Anh T, cho anh T được ly hôn chị Triệu Thị H là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 30/5/2011 và cháu Nguyễn Chí T, sinh ngày 19/7/2015. Anh T và chị H đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung. Xét thấy, anh T và chị H đều có điều kiện để đảm bảo nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung. Do vậy, Hội

đồng xét xử quyết định giao cháu T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao cháu T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Các bên đều có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Vì các bên mỗi người nuôi 01 con chung và tại phiên Tòa các đương sự không đề nghị, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Các bên tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét

[8] Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

[9] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51,56, 58 Điều 81, 82,83 Luật hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Anh T;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Anh T được ly hôn chị Triệu Thị H.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Phương T, sinh ngày 30/5/2011 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Chí T, sinh ngày 19/7/2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Cho đến các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh T, chị H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Anh T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000941 ngày 11/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên;

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án.

6. Quyền kháng cáo: Anh T và chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Nơi nhận:
- VKSND TP. Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS TP. Thái Nguyên;
- UBND xã QT, TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Duy Chinh